TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH THÁI BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2020/HS-ST
Ngày 26 tháng 02 năm 2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Hà

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Tiến Thấn

Bà Nguyễn Thị Thêu

***Thư ký phiên tòa*:** Bà Vũ Thị Huế – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa*:**

Bà Nguyễn Thị Lan – Kiểm sát viên.

Trong ngày 26 tháng 02 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 55/2019/TLST-HS ngày 27 tháng 12 năm 2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2020/QĐXXST-HS ngày 12 tháng 02 năm 2020 đối với:

1. Bị cáo:

1.1. Phạm Ngọc T (tên gọi khác T), sinh ngày 26/9/1996 tại Thái Bình; nơi cư trú: Thôn N, xã Đ, huyện K, tỉnh Thái Bình; giới tính: nam; trình độ văn hóa: 7/12; nghề nghiệp: lao động tự do; quốc tịch: Việt Nam, dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; con ông Phạm Văn T và bà Vũ Thị Thu P (Vũ Thị P); tiền án: 1. Bản án số 43/2014/HSST ngày 29 tháng 7 năm 2014, Tòa án nhân dân huyện Kiến Xương xử phạt 09 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản"; 2. Bản án số 48/2014/HSST ngày 09/10/2014, Tòa án nhân dân huyện Tiền Hải xử phạt 09 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản", tổng hợp với bản án số 43 của Tòa án nhân dân huyện Kiến Xương, buộc bị cáo T phải chấp hành hình phạt chung là 18 tháng tù; 3. Bản án số 27/2016/HSST ngày 15/6/2016, Tòa án nhân dân huyện Kiến Xương xử phạt 18 tháng tù về tội

“Trộm cắp tài sản”; tiền sự: Không; bị cáo bị bắt tạm giam ngày 23/01/2019; có mặt.

1.2. Phạm Tiến T1, sinh ngày 31/10/1998 tại Thái Bình; nơi cư trú: Thôn C, xã Đình P, huyện K, tỉnh Thái Bình; giới tính: nam; trình độ văn hóa: 9/12; nghề nghiệp: lao động tự do; quốc tịch: Việt Nam, dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; con ông Phạm Văn T và bà Nguyễn Thị N; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: bị cáo tham gia nghĩa vụ quân sự từ ngày 14/02/2017 đến ngày 22/01/2019 xuất ngũ; bị cáo bị bắt tạm giam ngày 26/01/2019; có mặt.

2. Bị hại: Anh Hoàng Trung D, sinh năm 1982.

Nơi cư trú: Tổ 14, thị trấn V, huyện V, tỉnh Hà Giang.

3. Người làm chứng

3.1. Anh Vũ Văn Đ, sinh năm 1994

3.2. Chị Nguyễn Thị T3, sinh năm 1995

Đều trú tại thôn G, xã T, huyện V, tỉnh Hà Giang.

(Anh D có đơn xin vắng mặt, chị T3 và anh Đ vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng cuối tháng 4/2018, Phạm Ngọc T thông qua người anh em họ là Vũ Văn Đ để làm bốc vác hàng cho anh Hoàng Trung D tại thị trấn Thiên Bảo, huyện Malypho, châu Văn Sơn, tỉnh Vân Nam, Trung Quốc trong khoảng thời gian 15 ngày, sau đó nghỉ không làm nữa. Ngày 09/6/2018, T cùng bạn gái Đinh Thu T2 đến phòng trọ của vợ chồng anh Đ, chị T3 ở thôn G, xã T, huyện V, tỉnh Hà Giang chơi. Sau đó T gọi điện thoại cho Phạm Tiến T1 lên Hà Giang chơi. Thời điểm đó bị cáo T1 là quân nhân đang tham gia nghĩa vụ quân sự nhưng được nghỉ phép nên bị cáo T1 đồng ý. Ngày 14/6/2018, bị cáo T1 đi ô tô lên gặp T và ở lại nhà trọ của anh Đ.

Khoảng 15 giờ ngày 16/6/2018, T và T1 đi bộ theo đường mòn sang khu vực chợ Thiên Bảo, Trung Quốc chơi, đến khoảng 16 giờ cùng ngày thì đi về Việt Nam. Trên đường về, T rủ T1 vào khu nhà trọ của anh Hoàng Trung D ở thị trấn Thiên Bảo, huyện Malypho, châu Văn Sơn, tỉnh Vân Nam, Trung Quốc chơi nhưng không thấy ai ở nhà. Do trước đây ở cùng anh D nên T biết anh D thường để tiền trong két sắt ở phòng ngủ, các vách phòng ngủ được quây bằng những tấm tôn. T liền này sinh ý định lấy trộm tiền và nói với T1 “Trong này có cái két, anh với mày vào xem,

không lấy được thì phá luôn tại đấy", T1 nói "vâng". T đi vào khu vực bếp trong nhà trọ lấy 01 con dao kim loại dài 25cm, cán dao bằng gỗ, phần rộng nhất của bản dao khoảng 15cm, đưa cho T1 cầm và bảo T1 đứng ở bên ngoài để cảnh giới. T dùng chiếc búa đinh mang theo từ trước cậy phá khóa cửa phòng ngủ nhưng không được nên lấy chiếc xà beng dài khoảng 1,2 m, một đầu nhọn, một đầu dẹt dựng ở cửa phòng bên cạnh để phá khóa cửa nhưng thấy phát ra tiếng động lớn, T sợ bị lộ nên không cậy nữa. T lấy con dao từ tay T1 và bảo T1 "Em đứng ra kia trông coi cho anh, nếu có người thì bảo". T đi ra phía sau phòng ngủ, dùng dao cậy bung miếng tôn sát vị trí kê chiếc két sắt, rồi kéo chiếc két ra bên ngoài phòng ngủ, dùng mũi dao cho vào khe bên trên góc trái, nhặt một mảnh gỗ dài khoảng 10cm, dầy khoảng 1-2cm chêm vào, cậy khoảng 5-7 phút thì cánh cửa két sắt bung ra. T thấy ngăn dưới có nhiều giấy tờ, sổ sách, ngăn nhỏ phía trên có cắm chìa khóa, T mở khóa thấy bên trong có nhiều tiền Việt Nam và tiền Trung Quốc nên gọi T1 vào, lấy số tiền Trung Quốc đưa cho T1, cất tiền Việt Nam vào người rồi cả hai đi về. Trên đường về, T đếm số tiền Việt Nam được 120.000.000 đồng và tiền Trung Quốc 24.000 nhân dân tệ (CNY). Khoảng hơn 17 giờ cùng ngày, T và T1 về phòng trọ của anh Đ tắm giặt rồi cùng T2 đi đến cửa hàng Luyện Nhung thuộc thành phố Hà Giang mua 01 điện thoại Iphone 6 plus, T1 đổi chiếc điện thoại Iphone 5s cũ đang dùng lấy một chiếc Ipad, hết tổng số tiền khoảng 6.000.000 đồng. Sau đó cả ba người tiếp tục đi đến cửa hàng Hoàng Gia tại thành phố Hà Giang mua 02 đôi giầy da, 01 đôi dép nam, 04 chiếc quần sooc thể thao, 04 chiếc quần lót nam, 01 chiếc quần thể thao, 01 chiếc ví nam, 01 chiếc túi xách và 01 chiếc va li kéo hết tổng số tiền 7.613.000 đồng.

Khoảng 18 giờ cùng ngày, T, T1 và T2 đi xe ô tô khách về bến xe Mỹ Đình, Hà Nội. Quá trình ngồi trên xe, T đưa cho T1 30.000.000 đồng. Khoảng 18 giờ 30 phút ngày 17/6/2018, cả ba người đi xe taxi về nhà bạn của T là Vũ Hồ B, sinh năm 1997 tại huyện K, tỉnh Hà Nam chơi. Tại đây T nhờ B đưa ra một cửa hàng mua bán vàng bạc ở thị trấn Đồng Văn, huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nam đổi 24.000 nhân dân tệ sang tiền Việt Nam được khoảng 78.000.000 đồng.

Tối 16/6/2018, anh Hoàng Trung D nhận được điện thoại của anh Vũ Văn Đ thông báo nhà trọ bị cậy phá két sắt nên về phòng trọ thì thấy bị mất số tiền 120.000.000 đồng và 24.000 nhân dân tệ để trong két sắt. Anh D kiểm tra camera an ninh ở khu nhà trọ phát hiện hình ảnh của hai người nam giới đã trộm cắp tài sản, trong đó nhận ra một người tên là T nên anh D đến Đồn Công an Thuyền

Đầu, Cục Công an huyện Malypho, châu Văn Sơn trình báo sự việc. Ngày 18/07/2018, Cục Công an huyện Malypho, châu Văn Sơn, tỉnh Vân Nam, Trung Quốc có hàm thư trao đổi với Công an tỉnh Hà Giang và đề nghị phối hợp truy tìm Phạm Ngọc T cùng đồng phạm, đồng thời gửi kèm theo các tài liệu có liên quan để làm căn cứ. Ngày 25/7/2018, anh D đến Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Hà Giang khai báo sự việc và giao nộp cho Cơ quan điều 01 chiếc USB bên trong sao lưu hình ảnh từ Camera an ninh ở khu nhà trọ của anh D ghi lại hình ảnh của T và T1 vào khu nhà trọ, phá khóa cửa phòng ngủ của anh D ngày 16/6/2018.

* Tại bản kết luận giám định số 1546/C09-P6 ngày 03/4/2019 của Viện khoa học hình sự - Bộ Công an kết luận: "Không phát hiện dấu hiệu cắt ghép, chỉnh sửa nội dung trong tập tin video gửi giám định".

* Tại công văn số 307/HAG-TH ngày 25/3/2019 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chi nhánh tỉnh Hà Giang thông báo tỷ giá giữa đồng nhân dân tệ và Việt Nam đồng: Từ ngày 14/6/2018 đến ngày 20/6/2019, 1 CNY = 3.525 (ba nghìn năm trăm hai mươi lăm đồng). Quy đổi 24.000CNY x 3.525 = 84.600.000 đồng.

Tại bản Cáo trạng số 04/KSĐT ngày 25/12/2019, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình đã truy tố bị cáo Phạm Ngọc T và Phạm Tiến T1 về tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa bị cáo Phạm Ngọc T khai: Ngày 16/6/2018, bị cáo rủ Phạm Tiến T1 vượt biên sang Trung Quốc chơi, trên đường quay về Việt Nam các bị cáo đi qua phòng trọ của anh Hoàng Trung D nơi bị cáo từng sống để làm bốc vác thuê cho anh D. Khi vào nhà thấy không ai ở nhà nên bị cáo nảy sinh ý định trộm cắp tài sản trong két sắt của anh D vì biết anh D có két sắt để trong buồng. Bị cáo rủ bị cáo T1 tham gia, T1 đồng ý và đứng canh gác để bị cáo phá két sắt. Bị cáo sử dụng một con dao lấy trong phòng trọ của anh D cùng một mảnh gỗ để phá két sắt. Sau khi phá xong, bị cáo gọi bị cáo T1 vào và đưa cho T1 một tập tiền Trung Quốc, còn bị cáo cầm tiền Việt Nam. Trên đường về bị cáo đếm tiền Việt Nam được 120.000.000 đồng và tiền Trung Quốc là 24.000 nhân dân tệ. Số tiền bị cáo lấy được đã mua một số đồ đạc cá nhân cho bị cáo và T1, rồi đưa cho T1 30.000.000 đồng, số tiền còn lại bị cáo tiêu xài cá nhân hết. Bị cáo nhận thức rõ hành vi phạm tội của mình là vi phạm pháp luật nên thành khẩn khai báo để được sự khoan hồng của pháp luật. Bị cáo nhận trách nhiệm bồi thường cho anh D số tiền bị cáo đã tiêu xài cá nhân

là 174.000.000 đồng, các tài sản bị cáo đã mua cho T1 bị cáo không yêu cầu bị cáo T1 phải có trách nhiệm trả.

Bị cáo T1 khai: Ngày 16/6/2018, bị cáo cùng bị cáo T vượt biên sang Trung Quốc chơi, sau đó bị cáo T rủ bị cáo vào phòng trọ của anh D trộm cắp tài sản, bị cáo đồng ý và đứng canh gác cho bị cáo T phá két sắt. Sau khi bị cáo T mở được két sắt đã gọi bị cáo vào và đưa cho bị cáo cầm tập tiền Trung Quốc, còn T cầm tập tiền Việt Nam. Sau khi lấy được tiền bị cáo T đếm tiền bị cáo không biết số tiền lấy được là bao nhiêu, bị cáo được bị cáo T cho 30.000.000 đồng và mua cho bị cáo một số đồ dùng cá nhân như quần áo, đổi điện thoại lấy Ipad, tiền ăn uống, tiền đi xe taxi, xe khách về Thái Bình. Số tiền bị cáo được chia đã tiêu xài cá nhân hết. Trong thời gian tạm giam bị cáo đã rất ân hận về hành vi phạm tội của mình, bị cáo đã tác động đến gia đình để bố mẹ bị cáo bồi thường số tiền 30.000.000 đồng cho bị hại.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình giữ nguyên quyết định truy tố đối với các bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử:

* Tuyên bố các bị cáo Phạm Ngọc T và bị cáo Phạm Tiến T1 phạm tội "Trộm cắp tài sản".

* Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 173; Điều 17; Điều 38; Điều 50; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 58 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Phạm Ngọc T 09 năm đến 10 năm tù.

* Áp dụng a khoản 3 Điều 173; Điều 17; Điều 38; Điều 50; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Phạm Tiến T1 07 năm đến 08 năm tù.

* Về trách nhiệm dân sự: áp dụng Điều 584, 585, 587, 589 Bộ luật dân sự, buộc bị cáo Phạm Ngọc T phải bồi thường cho bị hại số tiền 174.600.000 đồng.

* Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, tịch thu tiêu hủy 03 chiếc quần đùi, 01 đôi giầy, 01 dây sạc pin đã qua sử dụng; tịch thu nộp ngân sách Nhà nước 01 chiếc máy tính bảng nhãn hiệu Apple 64Gb đã qua sử dụng; chuyển 01 chiếc USB sang Tòa án để lưu hồ sơ vụ án.

Các bị cáo không tranh luận gì.

Bị cáo Phạm Ngọc T nói lời sau cùng: đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng mức án thấp nhất để sớm trở về đoàn tụ với gia đình.

Bị cáo Phạm Tiến T1 nói lời sau cùng: Bị cáo rất ân hận về hành vi phạm tội của mình, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng mức án thấp nhất để sớm trở về đoàn tụ với gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị cáo T1 phạm tội trong thời gian tại ngũ (bị cáo được nghỉ phép 12 ngày). Tuy nhiên, theo quy định tại Mục 3 Phần I Thông tư liên tịch số 01/2005/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BQP-BCA ngày 18/4/2005 thì: *"3. Theo quy định tại Điều 4 của Pháp lệnh thì đối với những người không còn phục vụ trong Quân đội mà phát hiện tội phạm của họ được thực hiện trong thời gian phục vụ trong quân đội ... thì Tòa án quân sự xét xử những tội phạm có liên quan đến bí mật quân sự hoặc gây thiệt hại cho Quân đội; những tội phạm khác do Tòa án nhân dân xét xử"*. Do vậy, xét xử bị cáo T1 tại Tòa án nhân dân là đúng thẩm quyền. Theo quy định tại khoản 2 Điều 269 Bộ luật tố tụng hình sự quy định: *"2. Bị cáo phạm tội ở nước ngoài nếu xét xử ở Việt Nam thì Tòa án nhân dân cấp tỉnh nơi cư trú cuối cùng của bị cáo ở trong nước xét xử..."*. Như vậy, nơi cư trú cuối cùng của các bị cáo T, bị cáo T1 tại xã Đình Phùng, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình nên vụ án thuộc thẩm quyền xét xử của Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình là đúng pháp luật.

[2] Về hành vi, quyết định tố tụng: Trong quá trình điều tra, truy tố cũng như tại phiên tòa những người tham gia tố tụng không khiếu nại đối với hành vi, quyết định tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng. Các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[3] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Ngày 16/6/2018, bị cáo Phạm Ngọc T cùng bị cáo Phạm Tiến T1 đã có hành vi xuất cảnh trái phép sang Trung Quốc và thực hiện hành vi phá két sắt trong phòng trọ của anh Hoàng Trung D tại thị trấn Thiên Bảo, huyện Malypho, châu Văn Sơn, tỉnh Vân Nam, Trung Quốc để trộm cắp 120.000.000 đồng và 24.000 nhân dân tệ (tương đương 84.600.000 đồng), tổng số tiền trộm cắp được là 204.600.000 đồng. Tại phiên tòa cũng như tại Cơ quan điều tra các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như cáo trạng đã truy tố. Lời khai của các bị cáo được thẩm tra tại phiên tòa phù hợp với

lời khai của bị hại, người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ. Các bị cáo có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được tính chất, mức độ và hậu quả của hành vi do mình thực hiện nhưng vẫn cố ý phạm tội. Điều 173 Bộ luật hình sự quy định: *"1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ hai triệu đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới hai triệu đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:.....3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 07 năm đến 15 năm: a) Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 200.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng...."*. Như vậy, hành vi của các bị cáo Phạm Ngọc T và Phạm Tiến T1 đủ căn cứ xác định các bị cáo phạm tội "Trộm cắp tài sản" theo điểm a khoản 3 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo Phạm Ngọc T khai báo thành khẩn nên đều được áp dụng một tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo Phạm Tiến T1 khai báo thành khẩn, đã tác động đến gia đình để bồi thường cho bị hại số tiền 30.000.000 đồng nên được hưởng 02 tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Đồng thời, bị hại có đơn xin giảm hình phạt cho bị cáo T1, bị cáo có thời gian 02 năm tham gia nghĩa vụ quân sự của Nhà nước nên bị cáo được hưởng 02 tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo T1 không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào. Bị cáo T có 03 tiền án về tội "Trộm cắp tài sản", đã tái phạm chưa được xóa án tích nay lại tiếp tục phạm tội do cố ý nên lần phạm tội này thuộc trường hợp "Tái phạm nguy hiểm" nên phải chịu 01 tình tiết tăng nặng quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

[5] Đánh giá về vai trò của các bị cáo trong vụ án, Hội đồng xét xử xét thấy đây là vụ án đồng phạm giản đơn, trong đó bị cáo T giữ vai trò chính bởi bị cáo là người rủ rê bị cáo T1 phạm tội, trực tiếp thực hiện hành vi phá két sắt để trộm cắp tài sản và được hưởng lợi 6/7 tài sản trộm cắp được, còn bị cáo T1 với vai trò là người cảnh giới, giúp sức cho bị cáo T và hưởng lợi 1/7 số tài sản trộm cắp được. Do vậy, xét theo tính chất, mức độ, hậu quả do hành vi phạm tội của các bị cáo gây ra, xét vai trò, nhân thân của từng bị cáo thì cần phải xử phạt bị cáo T mức hình

phạt nghiêm khắc và cao hơn bị cao T1, đồng thời đều phải cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời dài để răn đe, giáo dục, cải tạo bị cáo.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Số tiền của các bị cáo trộm cắp là 120.000.000 đồng và 24.000 Nhân dân tệ (CNY) nên buộc các bị cáo phải có trách nhiệm liên đới bồi thường cho bị hại. Chấp nhận sự tự nguyện thỏa thuận của các bị cáo về trách nhiệm liên đới bồi thường theo phần như sau: Bị cáo T phải bồi thường cho bị hại 90.000.000 đồng và 24.000 Nhân dân tệ (theo tỷ giá của đồng Việt Nam với Nhân dân tệ Trung Quốc tại thời điểm xét xử ngày 26/02/2020 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam thì: 1 Nhân dân tệ = 3.323,56 đồng), quy đổi 24.000 nhân dân tệ x 3.323,56 đồng = 79.765.440 đồng và bị cáo T1 phải có trách nhiệm bồi thường cho bị hại số tiền 30.000.000 đồng (số tiền này bị cáo T1 đã bồi thường xong).

[7] Về xử lý vật chứng của vụ án: Đối với 01 dây sạc pin, 03 chiếc quần đùi, 01 đôi giầy đã qua sử dụng đều là tài sản bị cáo T1 có được từ số tiền do phạm tội mà có nhưng không còn giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy; 01 chiếc máy tính bảng nhãn hiệu Apple 64Gb thu giữ của bị cáo T1 là tài sản có được từ số tiền do phạm tội mà có, tuy nhiên bị cáo không muốn nhận lại tài sản này nên cần tịch thu sung ngân sách Nhà nước. Đối với chiếc USB của anh Hoàng Trung D giao nộp là vật chứng quan trọng chứng minh tội phạm của các bị cáo nên cần chuyển vật chứng này sang Tòa án để lưu giữ kèm theo hồ sơ vụ án.

[8] Về các vấn đề khác trong vụ án: Đối với chị Đinh Thu T2 và anh Hồ Việt B (bạn của T), kết quả điều tra xác định những người này không biết việc các bị cáo phạm tội, không được hưởng lợi từ tài sản trộm cắp nên Cơ quan điều tra không xử lý là đúng pháp luật. Đối với hành vi xuất cảnh trái phép của bị cáo T, bị cáo T1: Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Hà Giang đã ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính với hình thức phạt tiền là đúng pháp luật.

[9] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Riêng bị cáo T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền bị cáo phải bồi thường.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo Phạm Ngọc T (T) và bị cáo Phạm Tiến T1 phạm tội "Trộm cắp tài sản".

2. Về hình phạt:

2.1. Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 173; Điều 17; Điều 38; Điều 50; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 58 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Phạm Ngọc T (T) 09 (chín) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 23/01/2019.

2.2. Áp dụng a khoản 3 Điều 173; Điều 17; Điều 38; Điều 50; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Phạm Tiến T1 07 (bảy) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 26/01/2019.

3. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 584, 585, 587, 589 Bộ luật dân sự, buộc bị cáo Phạm Ngọc T và bị cáo Phạm Tiến T1 phải liên đới bồi thường cho bị hại anh Hoàng Trung D số tiền 120.000.000 đồng và 24.000 Nhân dân tệ (CNY). Chấp nhận sự thỏa thuận của các bị cáo về trách nhiệm liên đới bồi thường theo phần như sau: Bị cáo T phải bồi thường cho bị hại anh Hoàng Trung D số tiền 90.000.000 đồng và 24.000 Nhân dân tệ quy đổi tương đương tại thời điểm xét xử là 79.765.400 đồng; bị cáo T1 phải có trách nhiệm bồi thường cho anh Hoàng Trung D số tiền 30.000.000 đồng (số tiền này bị cáo T1 đã bồi thường xong).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

4. Về xử lý vật chứng: Chuyển 01 chiếc USB sang Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình để lưu giữ theo hồ sơ vụ án. Tịch thu sung Ngân sách 01 chiếc máy tính bảng nhãn hiệu Apple 64Gb. Tịch thu tiêu hủy 01 dây sạc pin, 03 chiếc quần đùi nam, 01 đôi giầy màu trắng.

(Các vật chứng trên có đặc điểm mô tả như trong Biên bản giao nhận vật chứng đã được chuyển đến Cục Thi hành án dân sự tỉnh Thái Bình ngày 26/12/2019).

5. Về án phí: Các bị cáo Phạm Ngọc T và Phạm Tiến T1 mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm. Bị cáo Phạm Ngọc T phải chịu 8.488.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo Phạm Ngọc T và Phạm Tiến T1 có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm 26/02/2020. Bị hại anh Hoàng Trung D có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày anh D nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người phải thi hành án dân sự có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *Người tham gia tố tụng;*
- *VKSND tỉnh Thái Bình;*
- *Cục THADS tỉnh Thái Bình;*
- *Cơ quan điều tra tỉnh Thái Bình;*
- *Cơ quan Thi hành án hình sự tỉnh Thái Bình;*
- *Trại tạm giam CA tỉnh Thái Bình;*
- *UBND xã Đ, h. K;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đỗ Thị Hà

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**